

A large, empty rectangular box with rounded corners and a thin blue border, containing faint horizontal lines, likely a placeholder for a signature or stamp.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu Tư Thảo Dược Xanh)

Báo cáo tài chính riêng

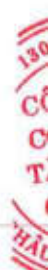
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu Tư Thảo Dược Xanh)

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 28



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu Tư Thảo Dược Xanh)

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 01 tháng 06 năm 2016 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh sản phẩm thực phẩm chức năng và cho thuê mặt bằng.

Công ty có năm (5) chi nhánh:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ – Cửa hàng Green+ (Chi nhánh Nguyễn Văn Linh) tại địa chỉ Số 13C, Nguyễn Văn Linh, xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ – Cửa hàng Green+ (Chi nhánh Madagui) tại địa chỉ Khu du lịch rừng Madagui, Khu phố 1, Thị trấn Madagui, Huyện Đạ Huoai, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ – Cửa hàng Green+ (Chi nhánh Bình Châu) tại địa chỉ Quốc lộ 55, Xã Bình Châu, Huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa – Vũng Tàu Việt Nam.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ – Cửa hàng Green+ (Chi nhánh Hà Nội) tại địa chỉ 137 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ – Cửa hàng Green+ (Chi nhánh An Giang) tại địa chỉ 241 Trưng Nữ Vương nối dài, Phường Châu Phú B, Huyện Châu Đốc, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Đức Thành	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Huây	Thành viên
Bà Lâm Thị Diệu Hương	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Khánh Vinh	Trưởng ban
Ông Trần Công Lộc	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Đức Thành	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Thành	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Đức Thành.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu Tư Thảo Dược Xanh)

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh, trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng

Công ty là công ty mẹ của công ty con ("Nhóm Công ty") như được trình bày tại Thuyết minh số 14 của báo cáo tài chính riêng kèm theo và Công ty đang trong quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Đức Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 1 tháng 3 năm 2021

Số tham chiếu: 61656017/22368703

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh, được lập ngày 1 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 28, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 12 tháng 6 năm 2020.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trần Nam Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 3021-2019-004-1

Đỗ Hữu Minh  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 5623-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>74.185.850.348</b>	<b>50.678.533.159</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>23.502.729.226</b>	<b>5.367.601.280</b>
111	1. Tiền		23.502.729.226	5.367.601.280
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	<b>790.400.000</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	898.593.600
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(108.193.600)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>46.477.249.814</b>	<b>42.599.229.866</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	6.952.013.798	5.086.647.689
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.293.277.766	764.433.226
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	38.523.284.263	36.748.148.951
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(291.326.013)	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>4.079.105.295</b>	<b>1.758.157.279</b>
141	1. Hàng tồn kho		4.079.105.295	1.758.157.279
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>126.766.013</b>	<b>163.144.734</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	98.518.919	135.293.940
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		28.247.094	27.850.794
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>88.214.574.752</b>	<b>100.032.460.401</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>643.250.000</b>	<b>718.250.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	643.250.000	718.250.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>8.884.602.404</b>	<b>9.107.911.064</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	6.097.000.000	6.260.312.500
222	Nguyên giá		6.532.500.000	6.532.500.000
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(435.500.000)	(272.187.500)
227	2. Tài sản vô hình	10	2.787.602.404	2.847.598.564
228	Nguyên giá		2.999.808.000	2.999.808.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(212.205.596)	(152.209.436)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>11</b>	<b>40.729.333.344</b>	<b>41.284.583.340</b>
231	1. Nguyên giá		42.210.000.000	42.210.000.000
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(1.480.666.656)	(925.416.660)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>19.697.133.302</b>	<b>6.224.211</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		19.697.133.302	6.224.211
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>41.157.160.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		18.000.000.000	18.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	23.157.160.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>260.255.702</b>	<b>7.758.331.786</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	260.255.702	7.758.331.786
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>162.400.425.100</b>	<b>150.710.993.560</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>25.007.880.747</b>	<b>23.440.455.542</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>9.351.480.747</b>	<b>4.953.715.542</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	323.144.000	475.959.439
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.855.324.932	1.658.193.747
314	3. Phải trả người lao động		14.093.100	-
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		16.740.658	24.729.547
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác		84.909.091	21.000.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		-	59.592.809
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	7.057.268.966	2.714.240.000
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>15.656.400.000</b>	<b>18.486.740.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	334.800.000	450.900.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	15.321.600.000	18.035.840.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>137.392.544.353</b>	<b>127.270.538.018</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>137.392.544.353</b>	<b>127.270.538.018</b>
411	1. Vốn góp chủ sở hữu		120.000.000.000	120.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		120.000.000.000	120.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.392.544.353	7.270.538.018
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		7.270.538.018	3.670.878.150
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		10.122.006.335	3.599.659.868
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>162.400.425.100</b>	<b>150.710.993.560</b>

*Nguyễn Quốc Việt*

Nguyễn Quốc Việt  
Người lập và Kế toán trưởng



Đặng Đức Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 1 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	17.112.868.170	63.242.163.171
11	2. Giá vốn hàng bán	21	(11.155.639.348)	(50.950.151.747)
20	3. Lợi nhuận gộp		5.957.228.822	12.292.011.424
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	9.586.548.343	4.175.898.402
22	5. Chi phí tài chính	22	(2.516.466.848)	(2.891.392.495)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(2.077.295.896)	(2.592.973.128)
25	6. Chi phí bán hàng	23	(1.340.867.645)	(2.667.472.020)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(4.771.332.968)	(5.881.600.991)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.915.109.704	5.027.444.320
31	9. Thu nhập khác	24	5.229.563.038	238.292.167
32	10. Chi phí khác	25	(358.310.139)	(609.278.237)
40	11. Lợi nhuận khác		4.871.252.899	(370.986.070)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.786.362.603	4.656.458.250
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	(1.664.356.268)	(1.056.798.382)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		10.122.006.335	3.599.659.868

Nguyễn Quốc Việt  
Người lập và Kế toán trưởng



Đặng Đức Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 1 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>11.786.362.603</b>	<b>4.656.458.250</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10, 11	778.558.660	778.558.656
03	Hoàn nhập dự phòng		291.326.013	93.118.600
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.681.492.243)	(4.175.898.402)
06	Chi phí lãi vay	22	2.077.295.896	2.783.198.895
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>8.252.050.929</b>	<b>4.135.435.999</b>
09	Giảm các khoản phải thu		11.905.257.739	5.306.083.650
10	Tăng hàng tồn kho		(2.320.948.016)	(494.409.759)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(668.967.694)	707.909.417
12	Giảm chi phí trả trước		7.534.851.105	16.831.001.529
13	Giảm (tăng) chứng khoán kinh doanh		790.400.000	(898.593.600)
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.077.295.896)	(2.758.469.348)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(1.056.798.382)	(576.318.271)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>22.358.549.785</b>	<b>22.252.639.617</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(19.690.909.095)	(6.224.211)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(16.000.000.000)	(17.126.780.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác		29.835.324.000	2.660.000.000
27	Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.328.243	4.398.402
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(5.852.256.852)</b>	<b>(14.468.605.809)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	18	7.302.411.344	33.534.526.038
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(5.673.622.378)	(40.157.954.838)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>1.628.788.966</b>	<b>(6.623.428.800)</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		18.135.081.899	1.160.605.008
60	Tiền đầu năm		5.367.601.280	4.206.996.272
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		46.047	-
70	Tiền cuối năm	4	23.502.729.226	5.367.601.280



Nguyễn Quốc Việt  
Người lập và Kế toán trưởng



Đặng Đức Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 1 tháng 3 năm 2021



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## **1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 01 tháng 06 năm 2016 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh sản phẩm thực phẩm chức năng và cho thuê mặt bằng.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 23 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 26).

Công ty có năm (5) chi nhánh:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ – Cửa hàng Green+ (Chi nhánh Nguyễn Văn Linh) tại địa chỉ Số 13C, Nguyễn Văn Linh, xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ – Cửa hàng Green+ (Chi nhánh Madagui) tại địa chỉ Khu du lịch rừng Madagui, Khu phố 1, Thị trấn Madagui, Huyện Đạ Huoai, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ – Cửa hàng Green+ (Chi nhánh Bình Châu) tại địa chỉ Quốc lộ 55, Xã Bình Châu, Huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa – Vũng Tàu Việt Nam.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ – Cửa hàng Green+ (Chi nhánh Hà Nội) tại địa chỉ 137 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ – Cửa hàng Green+ (Chi nhánh An Giang) tại địa chỉ 241 Trưng Nữ Vương nối dài, Phường Châu Phú B, Huyện Châu Đốc, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

## **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

### **2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin theo quy định hiện hành. Cũng theo các quy định này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty ("Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.5 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.5 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

##### *Quyền sử dụng đất*

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	10 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	40 năm

#### 3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

#### 3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

#### 3.12 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	30 - 50 năm
---------	-------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

##### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.15 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### 3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	14.710.000	27.652.300
Tiền gửi ngân hàng	23.488.019.226	4.505.948.980
Tiền đang chuyển	-	834.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>23.502.729.226</u></b>	<b><u>5.367.601.280</u></b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng khác	6.952.013.798	5.086.647.689
Ông Nguyễn Khắc Ghi	3.145.410.000	1.376.876.388
Bà Lâm Thị Bích Trâm	1.912.412.730	-
Ông Mã Thành Đạt	1.100.760.000	-
Khác	793.431.068	3.709.771.301
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.952.013.798</u></b>	<b><u>5.086.647.689</u></b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Xây dựng Ngân Tháp	1.100.000.000	700.000.000
Khác	193.277.766	64.433.226
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.293.277.766</u></b>	<b><u>764.433.226</u></b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>38.523.284.263</b>	<b>36.748.148.951</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đồng Khởi	16.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	14.835.324.000	-
Tạm ứng nhân viên	4.249.470.000	380.997.574
Ông Phạm Văn Sơn	2.815.000.000	19.450.000.000
Ginseng and Herb Cooperative	441.290.263	766.262.488
Bà Nguyễn Đặng Kiều Đông	-	15.970.000.000
Phải thu khác	182.200.000	180.888.889
<b>Dài hạn</b>	<b>643.250.000</b>	<b>718.250.000</b>
Ký quỹ ký cược dài hạn	643.250.000	718.250.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>39.166.534.263</u></b>	<b><u>37.466.398.951</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	3.902.107.614	1.099.645.307
Hàng gửi đi bán	144.961.478	128.925.769
Công cụ dụng cụ	32.036.203	32.036.203
Hàng đang đi đường	-	497.550.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.079.105.295</u></b>	<b><u>1.758.157.279</u></b>

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND	
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	
<b>Nguyên giá:</b>		
Số đầu năm và số cuối năm		6.532.500.000
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>		
Số đầu năm		(272.187.500)
Khấu hao trong năm		(163.312.500)
Số cuối năm		(435.500.000)
<b>Giá trị còn lại:</b>		
Số đầu năm		6.260.312.500
Số cuối năm		6.097.000.000

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND	
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	
<b>Nguyên giá:</b>		
Số đầu năm		2.999.808.000
Mua mới trong năm		-
Số cuối năm		2.999.808.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>		
Số đầu năm		(152.209.436)
Hao mòn trong năm		(59.996.160)
Số cuối năm		(212.205.596)
<b>Giá trị còn lại:</b>		
Số đầu năm		2.847.598.564
Số cuối năm		2.787.602.404



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm và số cuối năm	<u>20.000.000.000</u>	<u>22.210.000.000</u>	<u>42.210.000.000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	-	(925.416.660)	(925.416.660)
Hao mòn trong năm	-	(555.250.000)	(555.250.000)
Số cuối năm	-	(1.480.666.660)	(1.480.666.660)
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	<u>20.000.000.000</u>	<u>21.284.583.340</u>	<u>41.284.583.340</u>
Số cuối năm	<u>20.000.000.000</u>	<u>20.729.333.340</u>	<u>40.729.333.340</u>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế và giá thị trường của các khu đất liền kề, Ban Tổng Giám đốc của Công ty tin tưởng rằng giá trị thị trường của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

## 12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Văn phòng công ty tại Phước Kiển, Nhà Bè (*)	19.600.000.000	-
Khác	<u>97.133.302</u>	<u>6.224.211</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>19.697.133.302</u></b>	<b><u>6.224.211</u></b>

(\*) Đây là chi phí quyền sử dụng đất tại Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đang trong quá trình hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

## 13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>98,518,919</b>	<b>135.293.940</b>
Khác	98,518,919	135.293.940
<b>Dài hạn</b>	<b>260,255,702</b>	<b>7.758.331.786</b>
Chi phí thuê sạp	-	7.492.030.178
Khác	<u>260,255,702</u>	<u>266.301.608</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>358,774,621</u></b>	<b><u>7.893.625.726</u></b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu Tư Thảo Dược Xanh)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**Đầu tư tài chính dài hạn**

Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc	
Đầu tư vào công ty con						
Công ty Cổ phần <i>Linh Chi Vina</i> (*)	Đang hoạt động	60	18.000.000.000	60	18.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần <i>Căn nhà Mơ ước Cửu Long</i>	Đang hoạt động	-	-	19,65	23.157.160.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>18.000.000.000</b>		<b>41.157.160.000</b>	<b>-</b>

(\*) Công ty Cổ phần *Linh Chi Vina* ("Linh Chi Vina") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0304758331 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. *Linh Chi Vina* có trụ sở chính đăng ký tại 394/1 Hà Huy Giáp, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của *Linh Chi Vina* là trồng nấm và chế biến các sản phẩm từ nấm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	323.144.000	384.519.000
Phải trả cho người bán khác	-	91.440.439
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>323.144.000</u></b>	<b><u>475.959.439</u></b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	510.586.404	1.080.770.078	(1.431.504.171)	159.852.311
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.056.798.382	1.664.356.268	(1.056.798.382)	1.664.356.268
Thuế thu nhập cá nhân	90.808.961	164.351.948	(224.044.556)	31.116.353
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.658.193.747</u></b>	<b><u>2.909.478.294</u></b>	<b><u>(2.712.347.109)</u></b>	<b><u>1.855.324.932</u></b>

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Khác	-	59.592.809
<b>Dài hạn</b>	<b>334.800.000</b>	<b>450.900.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	334.800.000	450.900.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>334.800.000</u></b>	<b><u>510.492.809</u></b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu Tư Thảo Dược Xanh)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VAY**

	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>10.016.651.344</b>	<b>(5.673.622.378)</b>	<b>7.057.268.966</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	7.302.411.344	(2.959.382.378)	4.343.028.966
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18.2)	2.714.240.000	(2.714.240.000)	2.714.240.000
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>(2.714.240.000)</b>	<b>15.321.600.000</b>
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 18.2)	-	(2.714.240.000)	15.321.600.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.016.651.344</b>	<b>(8.387.862.378)</b>	<b>22.378.868.966</b>

	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.714.240.000</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18.2)	2.714.240.000
<b>Dài hạn</b>	<b>18.035.840.000</b>
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 18.2)	18.035.840.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.750.080.000</b>

**18.1 Vay ngắn hạn ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Tây	4.343.028.966	Ngày 3 tháng 1 năm 2021	6.84 – 7.20	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 653, tờ bản đồ số 5 tại Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre
			%/năm	Quyền sử dụng đất và nhà ở tại căn hộ số 1.09 và 1.10 là AB chung cư Aview 1 KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, TP.HCM
				Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tầng 2 Khu chung cư - Thương mại cao cấp Bầu Thạc Gián, Thành phố Đà Nẵng
				Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 030/NHNT-KH/TC/20 ký ngày 3 tháng 1 năm 2020



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu Tư Thảo Dược Xanh)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VAY** (tiếp theo)

**18.2 Vay dài hạn ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Tây	15.000.000.000	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2021 đến ngày 26 tháng 6 năm 2028	8.7 – 10.8	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 653, tờ bản đồ số 5 tại Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre  Quyền sử dụng đất và nhà ở tại căn hộ số 1.09 và 1.10 lô AB chung cư Aview 1 KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, TP.HCM  Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tầng 2 Khu chung cư - Thương mại cao cấp Bầu Thạc Gián, Thành phố Đà Nẵng
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Tây	3.035.840.000	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2021 đến ngày 26 tháng 3 năm 2025	8.7 – 11.1	Quyền sử dụng đất và nhà ở tại căn hộ số 1.09 và 1.10 lô AB chung cư Aview 1 KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, TP.HCM
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.035.840.000</b>			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	2.714.240.000			
Vay dài hạn	15.321.600.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VND		
	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước:</b>			
Số dư đầu năm	120.000.000.000	3.670.878.150	123.670.878.150
Lợi nhuận thuần trong năm	-	3.599.659.868	3.599.659.868
Số cuối năm	<u>120.000.000.000</u>	<u>7.270.538.018</u>	<u>127.270.538.018</u>
<b>Năm nay:</b>			
Số đầu năm	120.000.000.000	7.270.538.018	127.270.538.018
Lợi nhuận thuần trong năm	-	10.122.006.335	10.122.006.335
Số cuối năm	<u>120.000.000.000</u>	<u>17.392.544.353</u>	<u>137.392.544.353</u>

**19.2 Chi tiết vốn cổ phần**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Số lượng cổ phần	% sở hữu
Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ		
Nông sản Thủ Đức	3.600.000	30,00
Ông Đặng Đức Thành	3.193.000	26,61
Các cổ đông khác	<u>5.207.000</u>	<u>43,39</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.000.000</u></b>	<b><u>100</u></b>

**19.3 Cổ phiếu**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>12.000.000</b>	<b>12.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</b>	<b>12.000.000</b>	<b>12.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>12.000.000</b>	<b>12.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2019: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. DOANH THU**

**20.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	8.794.935.661	38.469.224.480
Doanh thu nhượng quyền thuê sạp	6.979.813.635	20.280.745.455
Doanh thu cho thuê mặt bằng	1.338.118.874	4.492.193.236
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>17.112.868.170</u></b>	<b><u>63.242.163.171</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên khác</i>	9.965.584.536	44.178.120.097
<i>Doanh thu với các bên liên quan     (Thuyết minh số 28)</i>	7.147.283.634	19.064.043.074

**20.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.328.243	4.398.402
Lãi chuyển nhượng cổ phần	9.583.220.100	4.171.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.586.548.343</u></b>	<b><u>4.175.898.402</u></b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	3.021.521.697	33.580.073.482
Giá vốn nhượng quyền thuê sạp	7.405.907.842	15.481.972.809
Giá vốn cho thuê ô vựa, mặt bằng	728.209.809	1.888.105.456
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.155.639.348</u></b>	<b><u>50.950.151.747</u></b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.077.295.896	2.592.973.128
Lỗ chuyển nhượng cổ phần	295.211.120	190.225.767
Lỗ chênh lệch tỷ giá	113.743.863	-
Khác	30.215.969	108.193.600
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.516.466.848</u></b>	<b><u>2.891.392.495</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>1.340.867.645</b>	<b>2.667.472.020</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	786.694.000	1.757.627.077
Chi phí hoa hồng	161.753.000	312.545.334
Chi phí bao bì	86.363.978	110.465.800
Chi phí bằng tiền khác	306.056.667	486.833.809
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>4.771.332.968</b>	<b>5.881.600.991</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.610.037.016	3.971.203.036
Chi phí dịch vụ mua ngoài	208.341.731	817.506.867
Chi phí khấu hao tài sản cố định	163.312.500	163.312.500
Chi phí dự phòng	291.326.013	(15.075.000)
Chi phí bằng tiền khác	498.315.708	944.653.588
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.112.200.613</u></b>	<b><u>8.549.073.011</u></b>

**24. THU NHẬP KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phiếu	5.074.372.000	-
Thu nhập khác	155.191.038	238.292.167
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.229.563.038</u></b>	<b><u>238.292.167</u></b>

**25. CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí tài trợ	99.333.324	99.333.324
Khấu hao tài sản ngưng hoạt động	59.996.160	59.996.160
Khác	198.980.655	449.948.753
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>358.310.139</u></b>	<b><u>609.278.237</u></b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu và hàng hóa	10.490.442.148	49.668.906.135
Chi phí nhân công	3.610.037.016	3.971.203.036
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,043,570,185	3.293.695.420
Chi phí khấu hao tài sản cố định	718.562.496	718.562.496
Khác	1.405.228.116	1.846.857.671
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>17,267,839,961</u></b>	<b><u>59.499.224.758</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 27.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN năm nay	<u>1.664.356.268</u>	<u>1.056.798.382</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>11.786.362.603</u></b>	<b><u>4.656.458.250</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	2.357.272.522	931.291.650
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	20.379.290	125.506.732
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	-	1.949.387
Thuế TNDN được giảm (*)	<u>(713.295.544)</u>	<u>-</u>
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>1.664.356.268</u></b>	<b><u>1.056.798.382</u></b>

(\*) Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp của năm 2020 theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ VND.

### 27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	Cổ đông	Cung cấp dịch vụ	7.119.129.089	19.487.694.546
		Thu hộ	1.116.050.000	-
		Phí hoa hồng	34.223.364	627.436.727
Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long	Bên liên quan đến ngày 6 tháng 9 năm 2020	Cho mượn	700.000.000	-
		Bán hàng hóa	28.154.545	112.252.528
Linh Chi Vina	Công ty con	Mua hàng hóa	1.629.650.000	353.286.364
		Trả hàng	765.000.000	-
Ông Đặng Đức Thành	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	Cần trừ công nợ	9.435.000.000	-
		Góp vốn	9.435.000.000	-
		Chi hộ	350.000.000	-
Bà Lâm Thị Thanh Bích	Bên liên quan của Tổng Giám đốc	Mua cổ phiếu	7.176.140.000	-
Bà Đặng Bích Hồng	Cổ đông	Tạm ứng	19.059.000.000	-
		Hoàn tạm ứng	19.059.000.000	-
Ông Lê Đình Phong	Cổ đông	Tạm ứng	360.000.000	-

Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	Cổ đông	Bán hàng hóa	-	26.858.700
<b>Phải trả người bán</b>				
Linh Chi Vina	Công ty con	Mua hàng hóa	323.144.000	384.519.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thù lao, thưởng của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	<u>975.000.000</u>	<u>900.000.000</u>

**29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Đến 1 năm	492.000.000	567.136.364
Từ 1 – 5 năm	<u>275.000.000</u>	<u>407.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>767.000.000</u></b>	<b><u>974.136.364</u></b>

**30. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	354.21	293.11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua Quyết định số 09/BB-TDX, phê duyệt kế hoạch phát hành thêm 3.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu tương đương giá trị là 30.000.000.000 VND. Vào ngày 19 tháng 1 năm 2021, Công ty nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bến Tre cập nhật vốn điều lệ mới là 150.000.000.000 VND. Cũng tại ngày này, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu Tư Thảo Dược Xanh thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+.

Vào ngày 1 tháng 2 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua Quyết định số 11/QĐ-GREEN+, phê duyệt kế hoạch phát hành thêm 11.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu tương đương giá trị là 110.000.000.000 VND để tăng vốn điều lệ Công ty lên 260.000.000.000 VND. Việc tăng vốn này đã được SKHĐT Tỉnh Bến Tre phê duyệt thông qua GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 7.

Ngoài những sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Nguyễn Quốc Việt  
Người lập và Kế toán trưởng



Đặng Đức Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 1 tháng 3 năm 2021

